TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 13/2019/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 21 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 36, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 150, Điều 370, Điều 371, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Khu phố 03, phường XA, Tp.P, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Khu phố 03, phường XA, Tp.P, tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH

[1] Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường XA, thành phố P, tỉnh Bình Thuận ngày 10/7/2003 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2003.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con Nguyễn Hữu K, sinh ngày 26/02/2008, giới tính nam cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị T chưa yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 cấp dưỡng cho con. Con Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/09/2000, giới tính nam đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Ông Nguyễn Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024038 ngày 09/01/2019 của Chi cục thi hành án thành phố P. Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T2 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp.P;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục thi hành án dân sự P;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Dũng